

Số: 02/2025/QĐST-DS

Hải Phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nam Tuấn

2. Ông Đỗ Trọng Tuấn

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 141/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H sinh năm 1962, nơi cư trú: Thôn K, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn:

+ Bà Bùi Thị M, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Bùi Thị M: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1993, nơi cư trú: T, thành phố Hải Phòng.

+ Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn H, thành phố Hải Phòng.

+ Bà Hoàng Thị N1 (tên gọi khác: T), sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đào Thị T1, sinh năm 1938; anh Hoàng Văn T2, sinh năm 1969; chị Hoàng Thị T3, sinh năm 1965; chị Hoàng Thị H, sinh năm 1974; chị Hoàng Thị H, sinh năm 1984 và anh Hoàng Văn T4, sinh năm 1977; cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh.

+ Anh Hoàng Văn T5, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn A, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị T6, chị Hoàng Thị T7, chị Hoàng Thị H1, chị Hoàng Thị H2, anh Hoàng Văn T8, anh Hoàng Văn T5: Anh Hoàng Văn T9, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh.

+ Bà Bùi Thị T10, sinh năm 1951, nơi cư trú: Thôn C, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T10: Chị Hoàng Thị T11, sinh năm 1976; nơi cư trú: K, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng.

+ Chị Hoàng Thị T11, sinh năm 1976; nơi cư trú: K, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng.

+ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1958, địa chỉ cuối cùng tại Việt Nam: Thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Q, Trung Quốc.

+ Chị Hoàng Thị N2, sinh năm 1989, địa chỉ cuối cùng tại Việt Nam: Thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Q, Trung Quốc.

+ Chị Hoàng Thị N3, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S, chị Hoàng Thị N2: Chị Hoàng Thị N3, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng.

+ Anh Hoàng Văn C1, sinh năm 1993, chị Lê Thị T12, sinh năm 1991, cùng nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị T13: Anh Hoàng Văn C2, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn H thành phố Hải Phòng.

+ Anh Hoàng Văn H3, sinh năm 1983 và chị Vũ Thị Đ, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

+ Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1985, nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

+ Bà Nguyễn Thị T14, sinh năm 1966, nơi cư trú: Thôn H, thành phố Hải Phòng.

+ Anh Vũ Văn P sinh năm 1985 và chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1996, nơi ĐKKTT: Thôn B, xã T thành phố Hải Phòng.

+ Anh Nguyễn Văn N4, sinh năm 1988 và chị Đoàn Thị H4, sinh năm 1992, nơi ĐKKTT: Thôn C, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với diện tích đất thuộc các thửa đất số 71 và 40, tờ bản đồ số 2 và yêu cầu huỷ Giấy CNQSDĐ số AO 565569 đứng tên ông Hoàng Văn H5 và bà Hoàng Thị N5; Giấy CNQSDĐ số AH 289256 đứng tên ông Hoàng Văn V và bà Bùi Thị M1.

2.2. Chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn Đ1, cụ Đào Thị T15 và cụ Nguyễn Thị N6 đối với các thửa đất số 27 và 57, tờ bản đồ số 2 tại thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng như sau:

2.2.1. Bà Hoàng Thị H6 được quyền sử dụng diện tích đất 138,7m², thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 2, tại thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, gồm các mốc giới: 14, 14-1, 14-2, 23-1, 14.

2.2.2. Anh Hoàng Văn T2 được quyền sử dụng diện tích đất 100m² thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 2, tại thôn H, thành phố Hải Phòng, gồm các mốc giới: G, 2, 3, C, M, K, H, G.

2.2.3. Ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị T14 được quyền sử dụng diện tích đất 468,23m² thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 2, tại thôn H, thành phố Hải Phòng, gồm các mốc giới: 1, G, H, K, J, 8-2, 9, 10, 11, 12, 1.

2.2.4. Tách một phần diện tích đất 51,09m² thuộc thửa đất số 27 tờ bản đồ số 2, tại thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, để sử dụng làm lối đi chung, gồm các mốc giới: K, M, N, 8-1, 8, 8-2, J, K.

2.3. Bà Hoàng Thị N5 (tên gọi khác: T) tự nguyện chia tách một phần thửa đất số 40, tờ bản đồ số 2, tại thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, Giấy CNQSDĐ số AO 565569, có diện tích 8,56 m², gồm các mốc giới: N, 8, 8-1, N làm lối đi chung cho vợ chồng ông Hoàng Văn N7, bà Nguyễn Thị T16 và anh Hoàng Văn T9.

2.4. Vợ chồng ông Hoàng Văn N8, bà Ng Thị T17 và anh Hoàng Văn T2 được quyền sử dụng diện tích đất thuộc ngõ đi chung có tổng diện tích nêu tại mục 2.2.4 và 2.3 là 59,65 m², gồm các mốc giới: K, M, N, 8, 8-2, J, K.

2.5. Bà Bùi Thị M tự nguyện chia tách cho chị Hoàng Thị T3 một phần thửa đất thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 2, tại thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, Giấy CNQSDĐ số AH 289256, có diện tích đất 100m², gồm các mốc giới: 14-1, 15, F, E, 23-1, 14-2, 14-1.

2.6. Bà Hoàng Thị H và chị Hoàng Thị T3 thống nhất sử dụng chung diện tích đất nêu tại mục 2.2.1 và 2.5, có tổng diện tích đất 238,7m², thuộc thửa đất số 57 và 71, tờ bản đồ số 2 tại thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, gồm các mốc giới: 14, 15, F, E, 14.

2.7. Bà Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị T3 và anh Hoàng Văn T2 được quyền sử dụng diện tích ngõ đi có các mốc giới: 8, 7, 6, 14-1, 14, 23-1, 23, 10, 9, 8-2, 8.

2.8. Ông Hoàng Văn N9, bà Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị T3 và anh Hoàng Văn T4 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. 2.9. Các đương sự thuộc hàng thừa kế của các cụ Hoàng Văn Đ2, Đào Thị T1, Nguyễn Thị N10 có trách nhiệm phối hợp trong việc thực hiện thủ tục để đăng ký quyền sử dụng đất theo sự thỏa thuận. Việc phân chia quyền sử dụng đất nêu trên có sơ đồ kèm theo. 2.10. Về chi phí tố tụng: Số tiền 19.600.000 đồng chi phí thẩm định, định giá tài sản bà Hoàng Thị H6 đã nộp được phân chia cho 04 người gồm: Bà Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị T3, anh Hoàng Văn C và anh Hoàng Văn H7, mỗi người phải chịu 4.900.000 đồng. Các anh, chị T, C2, H đã thực hiện việc trả số tiền 4.900.000 đồng nêu trên cho bà Hoàng Thị H6 tại phiên tòa ngày 31/3/2025.

2.11. Về án phí:

- Ông Hoàng Văn N9, bà Nguyễn Thị T18 và bà Hoàng Thị H là người cao tuổi, được miễn án phí theo quy định.

- Anh Hoàng Văn T4 phải chịu 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Hoàng Thị T3 phải chịu 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nam Tuấn

Đỗ Trọng Tuấn

Nguyễn Xuân Tuyền